|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2020* |

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 06/02/2020*)

**Phần thứ 1**

**TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Mạ chiêm xuân sớm | Gieo, nhổ cấy | 25.114 |
| - Lúa sạ | Mũi chông, đẻ nhánh rộ | 22.504 |
| - Lúa cấy | Bén rễ, hồi xanh, đẻ nhánh | 92.382 |
| - Ngô xuân | Gieo-4 lá | 32.567 |
| - Khoai tây | PT củ, thu hoạch | 3.271 |
| - Rau họ thập tự | PTTL, thu hoạch | 8.013 |
| - Cam, quýt, bưởi | PT quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Phát triển lộc, chăm sóc | 74.805 |
| - Chè | PT búp - đốn | 89.531 |
| - Cà phê | PT quả, TH | 21.024 |
| - Cao su | KTCB, thu hoạch nhựa | 23.202 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa đông xuân  - Lúa gieo | Mạ - 3 - 4lá  Cấy-BRHX- ĐN | Mạ: 2.073 ha  Lúa gieo, cấy: 231.781 ha |
| - Ngô | Trỗ cờ, chín, TH, gieo-7 lá | 33.685 |
| - Rau các loại, ớt | Cây con - PT thân lá - TH | 10.436 |
| - Lạc Xuân | Gieo, mọc mầm, phân cành | 1.640 |
| - Cam, chanh | Thu hoạch, ra hoa | 24.148 |
| - Mía | Tích lũy đường. chín | 53.913 |
| - Hồ tiêu | Ra hoa, PT quả | 3.813 |
| - Cà phê | Nuôi quả - thu hoạch | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 76.610 |
| - Chè | KTCB - KD | 13.421 |
| - Cây sắn | PT củ, thu hoạch | 54.318 |
|  | Trồng mới | 11.097 |
| - Luồng | KTCB - KD | 83.756 |
| - Thông | KTCB-KD | 104.806 |
| * Keo bạch đàn | KTCB – KD | 283.371 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | 224.254 |
| *Vụ Đông Xuân cực sớm* | *Đòng, trỗ* | *1.668* |
| *Vụ Đông Xuân sớm* | *Cuối đẻ nhánh cuối đòng* | *40.169* |
| *Vụ Đông xuân Chính vụ* | *Đẻ nhánh - đẻ nhanh rộ* | *185.512* |
| *Vụ Đông Xuân muộn* | *Mạ, đẻ nhánh* | *60.096* |
| - Cây cà phê | Chăm sóc | 634.067 |
| - Tiêu | Chắc quả, TH | 94.512 |
| - Cây điều | Ra lộc non, ra hoa quả non | 114.024 |
| - Cao su | Thay lá | 295.372 |
| - Cây rau màu | Nhiều giai đoạn | 40.993 |
| - Đậu đỗ | Cây con, PTTL | 3.812 |
| - Lạc | Cây con PTTL, ra hoa, đâm tia | 18.744 |
| - Ngô | nhiều giai đoạn | 36.193 |
| - Cây sắn | Cây con, PTTL, nuôi củ, TH | 161.720 |
| - Mía | Chín sinh lý thu hoạch | 86.607 |
| - Thanh long | Chăm sóc - Thu hoạch | 29.272 |
| - Sầu riêng | Chăm sóc | 16.296 |
| - Cây chè | Chăm sóc -Thu hoạch | 13.412 |
| - Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Lúa Thu Đông - Mùa | Cơ bản đã thu hoạch xong.  Diện tích còn lại đang tập chung chín | |
| Lúa Đông Xuân 2019-2020 |  | *1.614.011* |
|  | *Mạ* | *9.529* |
|  | *Đẻ nhánh* | *204.156* |
|  | *Đòng-trỗ* | *534.558* |
|  | *Chín* | *641.955* |
|  | *Thu hoạch* | *223.803* |
| Lúa hè thu đã xuống giống | *Mạ* | *21.453* |
| - Cây ngô | Các giai đoạn | 21.250 |
| - Cây có múi | Ra cơi, PT thân lá | 106.193 |
| - Cây rau màu | Các giai đoạn | 55.647 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 23.092 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, PTTL | 29.720 |
| - Cây cà phê | Ra hoa, nuôi quả | 35.882 |
| - Cây hồ tiêu | Nuôi quả | 48.384 |
| - Cây điều | Ra hoa, đậu quả | 187.306 |
| - Cây dừa | Các giai đoạn | 154.636 |
| - Cây sắn | Nhiều giai đoạn | 52.672 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh, vươn lóng, thu hoạch | 25.533 |

*Tỉnh Sóc Trăng có 921,2 ha lúa bị nhiễm mặn: trong đó 211,8ha bị thiệt hại với tỷ lệ trên 70%*

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 15.156 ha (tăng 811 ha so với kỳ trước, giảm 22.334 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng...

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 15.307 ha (tăng 777 ha so với kỳ trước, giảm 1.165 ha so với CKNT), phòng trừ 557ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 4.338 ha (tăng 1.880 ha so với kỳ trước, giảm 1.154 ha so với CKNT). Tập trung các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh khô vằn:*** Diện tích nhiễm 227 ha (giảm 2.529 ha so với kỳ trước, tăng 50 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Vĩnh Long, Bạc Liêu, Tây Ninh,...

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 10.355 ha (tăng 4.384 ha so với kỳ trước, tăng 3.612 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, An Giang, Hậu Giang, Cà Mau.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 7.036 ha (tăng 2.820 ha so với kỳ trước, giảm 463 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh Kiên Giang, Trà Vinh,…

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 10.341 ha (tăng 4.921 ha so với kỳ trước, tăn 6.112 ha so với CKNT). Tập trung tại tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long,...

***- Sâu đục thân***: Diện tích nhiễm 1.019 ha (tăng 773 ha so với kỳ trước, tăng 3.399 so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Hậu Giang, Tây Ninh

***- Chuột****:* Diện tích hại 7.640 ha (tăng 2.975 ha ha so với kỳ trước, tăng 4.963 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh trồng lúa

- **OBV**: Diện tích hại 3.019 ha (giảm 260 ha so với kỳ trước, giảm 1.415 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh trồng lúa.

**1.2. Cây ngô:**

**-** Sâu keo mùa thu nhiễm 1.586 ha (tăng 406 ha so với kỳ trước), diện tích nhiễm nặng 54 ha, phòng trừ 628 ha. Phân bố ở hầu hết các tỉnh trồng ngô trong cả nước. Hại nặng một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

- Bệnh lùn xoắn cây ngô: Phát sinh gây hại cục bộ tại Nghệ An, diện tích nhiễm 0,75 ha giảm 12 ha so với kỳ trước, tỷ lệ cây bị hại 2-3%, cao 5-7%, cục bộ 15-20%.

**1.3. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy… gây hại nhẹ đến trung bình.

**1.4. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng diện tích nhiễm 1.586 ha (tăng 406 ha so với kỳ trước, tăng 875 ha so với CKNT), nhiễm nặng 54 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

**1.5. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 1.083 ha (giảm 140 ha so kỳ trước, giảm 978 ha so với CKNT), phòng trừ 3828 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 8.022 ha (tăng 16 ha so với kỳ trước, giảm 1.645 ha so với CKNT), nặng 237 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 4.106 ha (giảm 661 ha so với kỳ trước, giảm 1.108 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.220 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 3.793 ha (giảm 250 ha so với kỳ trước, giảm 1.505 ha so với CKNT), nhiễm nặng 874 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam bộ.

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 554 ha (tăng 39 ha so với kỳ trước, giảm 2.126 ha so với CKNT), nhiễm nặng 27 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam bộ.

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 12.633 ha (giảm 1.460 ha so với kỳ trước, tăng 92 ha so CKNT), nhiễm nặng 80 ha, phòng trừ 3.787 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước. Đồng Nai, Gia Lai, Sơn La, Điện Biên..

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 9.391 ha (tăng 209 ha so với kỳ trước, giảm 49 ha so CKNT), nặng 115 ha, phòng trừ 2.248 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Trị, Điện Biên.

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 2.147 ha (tăng 38 ha so với kỳ trước, giảm 1.443ha so với CKNT). Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.9. Cây chè:** Bọ xít muỗi, diện tích nhiễm 1.593 ha (giảm 114 ha so với kỳ trước, giảm 346 ha so với CKNT), phòng trừ 1.355 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Thái Nguyên.

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 37.031 ha (giảm 2.536 ha so với kỳ trước, tăng 17.109 ha so với CKNT), nhiễm nặng 4.051 ha.

Bệnh đang gây hại tại 19 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước (không báo cáo số liệu), Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, An Giang, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Quảng Trị.

**1.11. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 6.649 ha (tăng 6.867 ha so với kỳ trước, giảm 1.842 ha so với CKNT), phòng trừ 4.257 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đăk lăk, Gia Lai, Lâm Đồng, Bà Rịa Vũng Tàu.

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 17.812 ha (tăng 4.253 ha so với kỳ trước, giảm 19.331 ha so với CKNT), phòng trừ 4.331 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đăk Lăk, Gia Lai, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Thuận, ...

***- Sâu đục thân cành:*** Diện tích nhiễm 3.522 ha (tăng 171 ha so với kỳ trước, giảm 4.109 ha so với CKNT). Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Gia Lai, Lâm Đồng…

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tập trung theo dõi diễn biến sâu năn (muỗi hành), rầy nâu vào đèn, lấy mẫu giám định xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus vàng lùn, lùn xoắn lá và theo dõi tiến độ xuống giống vụ Đông Xuân 2019 – 2020, vụ hè thu để phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống SVGH. Chỉ đạo các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Tiền Giang tăng cường các biện pháp quản lý sâu năn hiệu quả.

- Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng và bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều.

- Các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1.1. Trên lúa**

**a) Các tỉnh phía Bắc**

- Tăng cường công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, theo dõi chặt các loại dịch hại như; chuột, OBV, bệnh đạo ôn, tổ chức phòng trừ khi còn diện hẹp.

- Tiếp tục triển khai tốt công tác diệt chuột nhằm làm giảm mật độ chuột ngay từ đầu vụ, đặc biệt là các địa phương thường bị chuột hại nặng.

- Hướng dẫn nông dân chủ động phòng chống rét cho mạ, lúa gieo thẳng bằng màng phủ nilon, điều tiết nước, bón tro bếp và chế độ phân bón, không xuống giống, cấy vào những ngày rét đậm, rét hại để hạn chế thấp nhất tình trạng mạ, lúa chết rét.

**b) *Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn...gây hại trên lúa ở giai đoạn đòng đến trỗ chín.

- Bọ trĩ, ruồi đục nõn, sâu năn...gây hại ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

- Chuột: Gây hại nhẹ trên các trà lúa, nặng hại cục bộ.

- OBV: Lây lan theo nguồn nước.

***c) Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long***

- Rầy nâu trên đồng phổ biến tuổi 3-5, gây hại chủ yếu ở mức nhẹ-trung bình

- Cần theo dõi chặt chẽ diến biến của bệnh, đối với ruộng trồng giống nhiễm, có thể kết hợp phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông và bệnh lem lép hạt khi lúa trổ lác đác và lần 2 khi lúa trổ đều.

- Những địa phương thường xuất hiện muỗi hành gây hại cần theo dõi chặt chẽ đối tượng này để có biện pháp quản lý hiệu quả, đặc biệt là trên các trà lúa đang ở giai đoạn đẻ nhánh-đòng.

Ngoài các đối tượng nêu trên, cần lưu ý OBV trên lúa ở giai đoạn mạ; sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá vi khuẩn giai đoạn đẻ nhánh-đòng; chuột giai đoạn trổ chín.

**1.2. Trên cây trồng khác**

- **Trên cây ngô**: sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại.

- Trên cây rau, màu: sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, sâu khoang, ruồi đục lá, bệnh phấn trắng, bọ trĩ, nhện đỏ… phát sinh gây hại nhẹ; bệnh xoăn lá virus tiếp tục gây hại trên cây cà chua.

**- Cây ăn quả có múi**:Ruồi đục quả, nhện đỏ, rệp sáp, sâu vẽ bùa.... tiếp tục hại; Bệnh chảy gôm, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ tiếp tục phát sinh gây hại xu hướng tăng tại các vùng chuyên canh.

**- Cây nhãn, vải:** bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại tại các tỉnh phía Nam.

**- Cây chè**: Bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, rầy xanh, bệnh thối búp, bệnh phồng lá ... tiếp tục gây hại.

**- Cây mía**: Bệnh trắng lá, bệnh chồi cỏ, sâu non bọ hung, sâu non xén tóc...tiếp tục gây hại cục bộ tại vùng ổ dịch, nặng hại cục bộ.

**- Cây sắn**: Bệnh khảm lá tiếp tục gây hại, có khả năng phát sinh gây hại tăng; rệp sáp bột hồng tái xuất hiện và gây hại tại địa phương đã từng phát hiện trước đây.

**- Cây cà phê**: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên cà phê chè ở Lâm Đồng; bọ cánh cứng tiếp tục gây hại trên cây cà phê ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Kon Tum, Đắk Lắk,rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại.

**- Cây hồ tiêu:** Tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh thán thư, bệnh chết chậm, rệp các loại... tiếp tục gây hại.

- **Cây điều**: Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh khô cành...tiếp tục gây hại tăng ở giai đoạn PTTL, ra lộc non.

- **Cây sầu riêng***:* Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...gây hại nhẹ.

- **Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu, thán thư, thối rễ tóp cành phát sinh gây hại.

- **Cây dừa:** Bọ cánh cứng, bệnh thối nõn... tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Tiếp tục thực hiện công văn số 121/BVTV-TV ngày 16/01/2020 về việc theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán.

- Thực hiện công văn số 3626/BVTV-TV ngày 18/12/2019 về việc phòng chống chuột gây hại trong sản xuất nông nghiệp.

- Trên mạ, gốc rạ, bờ cỏ: Thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn sâu chuyển vụ như: Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ.

- Trên lúa: Phòng trừ các đối tượng dịch hại ở những nơi có mật độ, tỷ lệ cao.

- Tiếp tục theo dõi sâu bệnh trên các cây trồng khác như: Ngô, rau họ hoa thập tự, cà chua, khoai tây, cây ăn quả, cây công nghiệp và cây lâm nghiệp.

**2. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

- Thực hiện công văn số 121/BVTV-TV ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán.

- Thực hiện công văn số 3626/BVTV-TV ngày 18/12/2019 về việc phòng chống chuột gây hại trong sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Theo dõi: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, ... trên cây tiêu; Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành hại cây điều; Bệnh thối cành, thối quả, bệnh thối rễ tóp cành... hại trên cây thanh long; bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư, ... hại trên cây sầu riêng.

- Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus đang phát sinh gây hại gia tăng, đề nghị các tỉnh tăng cường theo dõi diễn biến bệnh, rà soát kỹ diện tích nhiễm sắn ở địa phương, chỉ đạo tiêu hủy triệt để nguồn bệnh tránh lây lan diện rộng.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Thực hiện nghiêm túc công văn số 121/BVTV/TV ngày 16/01/2020 về việc theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán.

- Thời tiết hiện nay thích hợp sâu năn phát sinh phát triển, cảnh báo với các địa phương theo dõi sát đối tượng này.

- Tiếp tục theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy các diện tích bị nhiễm bệnh nặng.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Hiện nay cây điều đang ở giai đoạn quả non, thời tiết thích hợp (đêm trời lạnh, sáng sớm có sương mù) cho bọ xít muỗi và bệnh thán thư gia tăng cần tăng cường công tác điều tra phát hiện để phát hiện sớm và có biện pháp quản lý tốt hai đối tượng này.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV;  - Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** | | **KT. CỤC TRƯỞNG**369  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 06/02/2019*)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sinh vật gây hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | | | | **DTN nhiễm so** | | **DTPT (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 15.307 | 15.268 | 39 |  | 777 | -1.165 | 557 | LA, BL, KG, ST, HG, AG. Q.Ngãi, P.Y. B.T. KH, LĐ. GL. BĐ. BĐ, Q.Nam. NA. QT, TTH |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 4.338 | 4.338 |  |  | 1.880 | -1.154 |  | KG, LA, VL, BL, HG, ST |
| 3 | Rầy hại lúa | 15.156 | 15.055 | 101 |  | 811 | -22.334 | 311 | LĐ. BT. ST. AG. TG. VL. LA. TV |
| 4 | Sâu đục thân | 1.019 | 1.019 |  |  | 773 | 3.399 | 80 | BT. HG.TN |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 10.341 | 10.304 | 37 |  | 4.921 | 6.112 | 162 | PY. BT. ST. BL. KG. AG. ĐT. VL |
| 6 | Bệnh bạc lá lúa | 7.036 | 7.036 |  |  | 2.820 | -463 |  | BL. ST. AG. ĐT. KG. TV |
| 7 | Chuột hại lúa | 7.640 | 7.379 | 254 |  | 2.975 | 4.963 | 452 | Các tỉnh trồng lúa |
| 8 | Ốc bươu vàng hại lúa | 3.019 | 2.911 | 108 |  | -260 | -1.415 | 1.634 | Các tỉnh trồng lúa |
| 9 | Bệnh khô vằn hại lúa | 227 | 227 |  |  | -2.529 | 50 |  | TN, HG, HCM, ST, ĐN |
| 10 | Bệnh đen lép hạt lúa | 10.355 | 10.355 |  |  | 4.384 | 3.612 | 0 | KG, ST, HG, ĐT, AG, CM |
| 11 | Chổi rồng nhãn | 1.586 | 1.532 | 54 |  | 406 | 875 | 628 | VL. ĐT. ST. CT. BP. BT. HG. TG BRVT |
| 12 | Bệnh đốm nâu thanh long | 1.083 | 1.083 | 0 |  | -140 | -978 | 382 | LA. TG. ĐN. BRVT. BTh |
| 13 | Bọ cánh cứng hại dừa | 8.022 | 7.785 | 237 |  | 16 | -1.645 |  | BT. CM. ST. TV. KG. TG. VL |
| 15 | Tuyến trùng hại tiêu | 4.106 | 2.886 | 1.220 |  | -661 | -1.108 | 305 | QTri. GL. ĐN. ĐL. BP. ĐN. KG. BD |
| 16 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 3.793 | 2.919 | 874 |  | -250 | -1.505 | 292 | QT. QB. TTH. GL. ĐN.ĐL. LĐ. BT. BP. VT. KG. ĐN. BD |
| 17 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 554 | 527 | 27 |  | 39 | -2.126 | 119 | Q.Trị. Huế. GL. ĐN. ĐL. LĐ. BT. BP. KG. ĐN |
| 18 | Bệnh khô cành cà phê | 12.633 | 12.553 | 80 |  | -1.460 | 92 | 3.787 | SL. ĐB. QTri. LĐ. GL. BP. Đn |
| 19 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 9.391 | 9.276 | 115 |  | 209 | -49 | 2.248 | ĐB. Q Trị. GL. LĐ. KH |
| 20 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 2.147 | 2.147 |  |  | 38 | -1.443 |  | L.Đồng |
| 21 | Bọ xít muỗi hại chè | 1.593 | 1.593 |  |  | -114 | -346 | 1.355 | Lâm Đồng, Thái Nguyên |
| 22 | Bọ xít muỗi hại điều | 6.649 | 6.649 |  |  | 6.867 | -1.842 | 4.257 | LĐ. GL. BTh. ĐL. BP. ĐN. BRVT |
| 23 | Bệnh thán thư hại điều | 17.812 | 17.807 | 5 |  | 4.253 | -19.331 | 4.331 | LĐ. BT. ĐLak. BP. ĐN.BRVT |
| 24 | Sâu đục thân/cành điều | 3.522 | 3.487 | 35 |  | 171 | -4.109 | 445 | LĐ. GL. ĐL.BT. BP. ĐN. BD. BT |
| 25 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 37.031 | 32.980 | 4.051 |  | -2.536 | 17.109 | 27 | TN. BD. BP. LA. ĐN. HCM. BRVT. AG. GL. ĐL. PY. BT. KH. NT. KT. LĐ. QNgai. |
| 26 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 1.586 | 1.532 | 54 |  | 406 | 875 | 628 | TN, ĐN, NA, QT, TTHuế,  B.Th, Q.Ng, L.Đ,Q.Nam, BĐ, KT, BG, LC |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**